



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
	Ông Phạm Xuân Trinh	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên
	Ông Vũ Ngọc Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Vũ Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành

Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Đoàn Văn Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát
	Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 10/5/2023)
	Bà Đặng Thanh Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 10/5/2023)

Trụ sở đăng ký
43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Các điều kiện và sự kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Nam Định, **29-08-2023**

20
NG
HIỆP
PT
LIÊN



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

11/07/2023



Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Trích lập quỹ lương dự phòng năm 2021

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, trong số dư Phải trả người lao động có 15 tỷ VND là khoản Tổng Công ty trích lập dự phòng tiền lương trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để trả cho nhân viên cho kỳ sau. Việc ghi nhận khoản dự phòng tiền lương này trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng do Tổng Công ty chưa phát sinh nghĩa vụ nợ hiện tại với người lao động tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2021 tương ứng với số tiền này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng này vào Chi phí quản lý doanh nghiệp thay vì điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót. Do đó, cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Chi phí quản lý doanh nghiệp bị ghi nhận thiếu 15 tỷ VND, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bị ghi nhận thừa 3 tỷ VND và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp bị ghi nhận thừa 12 tỷ VND.

Vấn đề này đã khiến chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết luận soát xét ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tổng Công ty. Chúng tôi cũng đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của kỳ hiện tại do ảnh hưởng của vấn đề này đối với tính có thể so sánh của Chi phí quản lý doanh nghiệp, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện tại và số liệu so sánh có liên quan của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.





Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-02-00250-23-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

29-08-2023

Nguyễn Quốc Khánh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 5594-2020-007-1

Handwritten red stamp on the right margin

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		524.226.081.147	558.310.863.574
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	11.844.954.949	5.797.104.002
Tiền	111		11.844.954.949	5.797.104.002
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.000.000.000	21.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	21.000.000.000	21.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		182.666.114.829	206.939.776.214
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	178.851.515.584	209.954.428.742
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.295.320.195	1.442.971.612
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	12.488.592.513	7.630.249.913
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(11.969.313.463)	(12.087.874.053)
Hàng tồn kho	140	13	303.380.374.580	323.048.305.925
Hàng tồn kho	141		317.642.341.656	357.498.509.558
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.261.967.076)	(34.450.203.633)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.334.636.789	1.525.677.433
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	2.274.105.594	1.463.410.153
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.998.263.915	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	20	62.267.280	62.267.280

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		610.661.883.958	627.834.537.782
Các khoản phải thu dài hạn	210		404.655.892	501.764.248
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	3.604.655.892	3.701.764.248
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	12	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		496.523.547.566	511.672.286.532
Tài sản cố định hữu hình	221	14	481.365.616.669	506.676.662.489
Nguyên giá	222		998.560.817.710	1.018.662.995.799
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(517.195.201.041)	(511.986.333.310)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	15	15.000.430.897	4.806.624.043
Nguyên giá	225		27.106.769.985	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12.106.339.088)	(9.773.527.126)
Tài sản cố định vô hình	227		157.500.000	189.000.000
Nguyên giá	228		660.000.000	660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(502.500.000)	(471.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	16	4.797.292.291	5.052.286.589
Nguyên giá	231		12.378.939.809	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.581.647.518)	(7.326.653.220)
Tài sản dở dang dài hạn	240		34.947.550.087	36.266.360.950
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	34.947.550.087	36.266.360.950
Đầu tư tài chính dài hạn	250		64.883.209.426	64.883.209.426
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	17.518.479.633	17.518.479.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	41.816.174.793	41.816.174.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	4.200.000.000	4.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.105.628.696	9.458.630.037
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	9.105.628.696	9.458.630.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.134.887.965.105	1.186.145.401.356


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		949.645.865.212	924.528.283.732
Nợ ngắn hạn	310		635.837.355.004	599.709.394.879
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	172.217.069.581	137.138.066.878
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		800.155.564	1.692.556.718
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	4.146.719.024	2.512.851.410
Phải trả người lao động	314		2.817.616.309	7.574.003.835
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.227.119.355	1.606.629.152
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	6.586.479.465	7.362.664.051
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	448.007.142.962	441.417.515.003
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	35.052.744	405.107.832
Nợ dài hạn	330		313.808.510.208	324.818.888.853
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	831.923.822	1.831.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	312.976.586.386	322.986.965.031
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		185.242.099.893	261.617.117.624
Vốn chủ sở hữu	410	25	185.242.099.893	261.617.117.624
Vốn cổ phần	411	26	156.399.760.000	156.399.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.399.760.000	156.399.760.000
Quỹ đầu tư, phát triển	418	27	92.139.112.037	92.139.112.037
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(63.296.772.144)	13.078.245.587
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		12.816.680.675	12.874.153.441
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm nay	421b		(76.113.452.819)	204.092.146
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.134.887.965.105	1.186.145.401.356


Người lập:


 Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

29-08-2023

Người duyệt:


 Đinh Thị Thu Hương
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán


 Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	647.836.507.592	560.172.358.390
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	685.579.284.225	477.710.777.875
(Lỗ)/lợi nhuận gộp (20 = 01 – 11)	20		(37.742.776.633)	82.461.580.515
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	21.229.845.210	11.618.072.725
Chi phí tài chính	22	32	39.733.096.119	26.397.998.752
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.634.225.299	13.418.148.734
Chi phí bán hàng	25	33	7.090.939.742	8.251.328.743
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	13.844.224.085	4.252.811.484
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(77.181.191.369)	55.177.514.261
Thu nhập khác	31		1.072.943.898	424.054.526
Chi phí khác	32		5.205.348	911.324.643
Lãi/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		1.067.738.550	(487.270.117)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(76.113.452.819)	54.690.244.144
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	-	9.750.425.341
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(76.113.452.819)	44.939.818.803

Người lập:


 Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

29-08-2023

Người duyệt:


 Đinh Thị Thu Hường
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán


 Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(76.113.452.819)	54.690.244.144
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		29.909.438.691	29.624.830.504
Các khoản dự phòng	03		(20.306.797.147)	(70.973.644)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.500.125	1.578.091.993
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.661.429.433)	(66.379.925)
Chi phí lãi vay	06		28.634.225.299	13.418.148.734
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(41.523.515.284)	99.173.961.806
Biến động các khoản phải thu	09		24.200.310.012	(2.193.439.927)
Biến động hàng tồn kho	10		39.856.167.902	(101.439.971.154)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		40.824.213.197	(64.742.594.936)
Biến động chi phí trả trước	12		358.860.248	1.357.171.877
			63.716.036.075	(67.844.872.334)
Tiền lãi vay đã trả	14		(27.603.894.420)	(12.044.338.687)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(5.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(631.620.000)	(2.170.800.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.480.521.655	(87.060.011.022)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(20.752.490.208)	(9.403.153.718)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		9.898.356.335	154.629.630
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(4.800.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24		-	1.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.667.946.713	381.097.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.186.187.160)	(12.167.426.720)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		538.222.417.991	539.931.642.790
Tiền trả nợ gốc vay	34		(554.444.795.182)	(463.749.163.612)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.119.250.072)	(1.058.767.750)
Tiền trả cổ tức	36		(3.682.705.000)	(7.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.024.332.263)	75.116.211.428
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		5.270.002.232	(24.111.226.314)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		5.797.104.002	38.235.752.829
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		777.848.715	305.429.345
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	11.844.954.949	14.429.955.860

29-08-2023

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:





Đinh Thị Thu Hương
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 4 công ty con và 4 công ty liên kết, được liệt kê tại Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty có 1.044 nhân viên (1/1/2023: 1.031 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ sau thuế trong kỳ của Tổng Công ty là 76.113 triệu VND (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022: lợi nhuận sau thuế là 44.940 triệu VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 111.611 triệu VND (1/1/2023: 41.399 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 23(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ của Tổng Công ty tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
-----------	------------

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

TRÁCH
NAM

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong kỳ trước.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.437.703.393	1.998.380.477
Tiền gửi ngân hàng	10.407.251.556	3.798.723.525
	<hr/>	<hr/>
	11.844.954.949	5.797.104.002

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
Trái phiếu (ii)	4.200.000.000	(*)	4.200.000.000	(*)

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, hưởng lãi suất dao động từ 4,8% đến 6,4%/năm (1/1/2023: từ 4,8% đến 6,4%/năm).
- (ii) Các khoản trái phiếu do một ngân hàng phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào các năm 2028 và 2029 và hưởng lãi suất trong kỳ từ 5,7% đến 6,35%/năm (1/1/2023: từ 6,8% đến 7,2%/năm).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2023				1/1/2023			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con								
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	2.876.479.633	(*)	52,52%	52,52%	2.876.479.633	(*)
• Công ty TNHH MTV Chân len Dệt May Nam Định	100,00%	100,00%	5.000.000.000	(*)	100,00%	100,00%	5.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	62,58%	62,58%	5.632.500.000	(*)	62,58%	62,58%	5.632.500.000	(*)
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	53,46%	53,46%	4.009.500.000	(*)	53,46%	53,46%	4.009.500.000	(*)
			17.518.479.633				17.518.479.633	
Công liên kết								
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	3.045.174.793	(*)	36,00%	36,00%	3.045.174.793	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	23.000.000.000	(*)	36,92%	36,92%	23.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	1.980.000.000	(*)	36,00%	36,00%	1.980.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	45,97%	13.791.000.000	(*)	45,97%	45,97%	13.791.000.000	(*)
			41.816.174.793				41.816.174.793	
Đơn vị khác								
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,002%	0,002%	1.348.555.000	2.447.408.500	0,002%	0,002%	1.348.555.000	2.219.260.250
			60.683.209.426				60.683.209.426	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	14.606.518.580	17.758.160.017
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	2.302.194.974	1.839.725.798
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	126.922.196	119.819.466
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	82.872.318.577	84.383.749.597
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	62.882.858	-
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	-	301.588.423
Bên khác		
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	22.699.593.482	46.079.800.144
Các khách hàng khác	56.181.084.917	59.471.585.297
	178.851.515.584	209.954.428.742

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất là 8,02%/năm (1/1/2023: 7,50%/năm) khi quá hạn mà các công ty này chưa thanh toán.

11. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải thu Kho bạc Nhà nước (i)	2.448.642.181	2.448.642.181
Phải thu các công ty con và công ty liên kết về tiền đất cho thuê	3.500.638.154	2.057.276.343
Ký cược, ký quỹ	2.677.868.000	420.868.000
Cổ tức phải thu các công ty con và các công ty liên kết	3.582.760.000	2.616.550.000
Phải thu khác	278.684.178	86.913.389
	12.488.592.513	7.630.249.913

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước là tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty. Khoản tiền này bị hạn chế sử dụng do Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của Kho bạc Tỉnh Nam Định. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, toàn bộ khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước đã được trích lập dự phòng do Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	1.490.087.170	1.091.154.505
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	796.782.624	564.017.652
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	760.098.693	471.194.186
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.274.160.000	-
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.762.269.667	1.827.460.000
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	-	396.000.000
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	-	324.000.000
	7.083.398.154	4.673.826.343

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	404.655.892	501.764.248
	3.604.655.892	3.701.764.248

- (*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2023			1/1/2023				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vin	Trên 3 năm	4.944.999.999	(4.944.999.999)	-	Trên 3 năm	5.014.999.999	(5.014.999.999)	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-	Trên 3 năm	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-
	Từ 6 tháng đến 1 năm	278.183.259	(83.454.978)	194.728.281	Từ 6 tháng đến 1 năm	374.783.752	(107.008.301)	267.775.451
Các đối tượng khác	1 năm	351.747.859	(175.873.929)	175.873.930	1 năm	384.035.694	(201.062.555)	182.973.139
Các đối tượng khác	Từ 1 - 2 năm	4.633.283.011	(4.633.283.011)	-	Từ 1 - 2 năm	4.633.101.652	(4.633.101.652)	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm				Trên 3 năm			
		15.539.915.674	(15.169.313.463)	370.602.211		15.738.622.643	(15.287.874.053)	450.748.590
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(11.969.313.463)				(12.087.874.053)	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(3.200.000.000)				(3.200.000.000)	
			(15.169.313.463)				(15.287.874.053)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	89.231.262.500	-	34.504.747.200	(1.400.278.455)
Nguyên vật liệu	79.759.426.864	-	82.784.242.919	(3.359.566.472)
Công cụ và dụng cụ	91.797.909	-	140.686.295	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.296.117.342	-	10.116.086.154	(410.533.003)
Thành phẩm	88.911.268.553	(12.132.544.679)	200.191.645.576	(29.033.139.035)
Hàng hóa	32.019.704.111	-	24.244.948.045	(246.686.668)
Hàng gửi bán	17.332.764.377	(2.129.422.397)	5.516.153.369	-
	317.642.341.656	(14.261.967.076)	357.498.509.558	(34.450.203.633)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	34.450.203.633	566.161.713
Hoàn nhập trong kỳ	(20.188.236.557)	-
Số dư cuối kỳ	14.261.967.076	566.161.713

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	313.900.880.492	659.230.899.104	42.593.317.343	2.937.898.860	1.018.662.995.799
Mua mới trong kỳ	285.405.455	-	-	-	285.405.455
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	-	11.605.109.350	24.600.000	224.935.620	11.854.644.970
Thanh lý	-	(32.242.228.514)	-	-	(32.242.228.514)
Số dư cuối kỳ	314.186.285.947	638.593.779.940	42.617.917.343	3.162.834.480	998.560.817.710
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	116.455.872.352	368.875.217.814	24.671.370.508	1.983.872.636	511.986.333.310
Khấu hao trong kỳ	7.940.110.309	17.542.319.295	1.714.203.209	93.499.618	27.290.132.431
Thanh lý	-	(22.081.264.700)	-	-	(22.081.264.700)
Số dư cuối kỳ	124.395.982.661	364.336.272.409	26.385.573.717	2.077.372.254	517.195.201.041
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	197.445.008.140	290.355.681.290	17.921.946.835	954.026.224	506.676.662.489
Số dư cuối kỳ	189.790.303.286	274.257.507.531	16.232.343.626	1.085.462.226	481.365.616.669

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 191.071 triệu VND (1/1/2023: 209.989 triệu VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 426.194 triệu VND (1/1/2023: 440.195 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 23).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	14.580.151.169
Tăng trong kỳ	12.526.618.816
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	27.106.769.985
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	9.773.527.126
Khấu hao trong kỳ	2.332.811.962
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	12.106.339.088
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.806.624.043
Số dư cuối kỳ	15.000.430.897
	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	7.326.653.220
Khấu hao trong kỳ	254.994.298
Số dư cuối kỳ	7.581.647.518
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	5.052.286.589
Số dư cuối kỳ	4.797.292.291

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	36.266.360.950	18.480.307.484
Tăng trong kỳ	11.352.388.455	11.983.392.891
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.854.644.970)	(6.199.283.226)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(705.247.609)	(715.828.821)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(111.306.739)	-
Số dư cuối kỳ	34.947.550.087	23.548.588.328

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
San nền và giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.566	12.840.234.566
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Dự án xây dựng, cải tạo Nhà máy May 2	3.781.417.088	3.746.417.088
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	13.312.531.298	14.245.941.965
Các công trình khác	-	420.400.196
	34.947.550.087	36.266.360.950

(*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định. Theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định, Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Tổng Công ty đang làm việc với Công ty mẹ về phương án di dời và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định đã có Công văn đề nghị các bên liên quan phối hợp, tạo điều kiện cho Tổng Công ty thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá.

(**) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại Xã Yên Bình, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	374.008.165	845.274.113
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.900.097.429	618.136.040
	2.274.105.594	1.463.410.153

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	9.458.630.037
Tăng trong kỳ	2.687.229.944
Phân bổ trong kỳ	(3.040.231.285)
	9.105.628.696

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	1.072.100.580	647.219.254
Bên khác		
Viterra B.V.	29.287.888.966	-
ECOM Agroindustrial Corporation Ltd.	24.461.704.338	6.029.575.200
Các nhà cung cấp khác	117.395.375.697	130.461.272.424
	172.217.069.581	137.138.066.878

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.473.098.983	16.341.046.804	(16.662.528.940)	2.151.616.847
Thuế nhập khẩu	-	146.108.494	(146.108.494)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(62.267.280)	-	-	(62.267.280)
Thuế thu nhập cá nhân	25.764.395	75.004.464	(92.390.482)	8.378.377
Thuế tài nguyên	13.988.032	71.477.092	(74.091.956)	11.373.168
Tiền thuê đất	-	4.836.248.932	(2.860.898.300)	1.975.350.632
Các loại thuế khác	-	25.608.800	(25.608.800)	-
	2.450.584.130	21.495.494.586	(19.861.626.972)	4.084.451.744
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(62.267.280)			(62.267.280)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.512.851.410			4.146.719.024

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	509.400.000	1.278.596.863
Chi phí điện, nước phải trả	256.417.678	187.037.037
Chi phí khác	461.301.677	140.995.252
	1.227.119.355	1.606.629.152

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.542.166.962	349.892.611
Cổ tức phải trả	1.523.015.250	5.205.720.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	2.966.216.452	1.746.871.190
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	555.080.801	60.180.000
	6.586.479.465	7.362.664.051

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	712.500.000	1.712.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	831.923.822	1.831.923.822

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (công ty liên kết) theo Thỏa thuận hợp tác đầu tư số 01-2011/TT ngày 3/10/2011. Theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của UBND Tỉnh Nam Định về việc phê duyệt giá trị còn lại tài sản trên đất, tổng giá trị Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định phải đền bù cho Tổng Công ty tương ứng với giá trị còn lại của tài sản là 100.206.557.827 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ/-ĐHĐCĐ-VNDC ngày 26/6/2023 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, tổng số tiền chi hỗ trợ cho Tổng Công ty trong năm 2023 là 1 tỷ VND. Công ty đang ghi nhận là khoản doanh thu tài chính khác (Thuyết minh 31).

Cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty đã nhận được 13,5 tỷ VND tiền hỗ trợ từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong kỳ		30/6/2023	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	420.841.972.302	540.672.241.944	(549.726.525.812)	11.922.352	411.799.610.786	
Vay dài hạn đến hạn trả	18.443.614.851	18.513.794.106	(4.718.269.370)	93.960.333	32.333.099.920	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	2.131.927.850	2.858.499.738	(1.119.250.072)	3.254.740	3.874.432.256	
	441.417.515.003	562.044.535.788	(555.564.045.254)	109.137.425	448.007.142.962	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	5,40%	19.869.316.712	91.259.996.414
Vay ngân hàng 2	VND	7,85 - 8,50%	100.865.412.153	68.472.205.898
Vay ngân hàng 3	USD	4,00 - 5,00%	29.664.014.211	20.879.043.261
Vay ngân hàng 4	VND	8,00 - 8,60%	46.109.971.915	55.834.358.545
Vay ngân hàng 5	VND	8,20%	42.720.411.875	29.649.158.942
Vay ngân hàng 6	USD	5,70%	42.184.056.451	51.231.156.719
Vay ngân hàng 7	USD	5,20%	38.725.462.038	30.773.431.194
Vay ngân hàng 8	USD	5,62 - 6,82%	77.139.719.275	45.488.477.945
Vay ngân hàng 9	VND	9,45%	-	14.939.405.430
Vay nhân viên	VND	2,40% - 6,90%	14.521.246.156	12.314.737.954
			411.799.610.786	420.841.972.302

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại là 54.744 triệu VND (1/1/2023: 57.208 triệu VND) (Thuyết minh 14).

Các khoản vay nhân viên không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn (i)	336.127.098.945	339.959.902.660
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	13.057.019.617	3.602.605.072
	349.184.118.562	343.562.507.732
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(36.207.532.176)	(20.575.542.701)
	312.976.586.386	322.986.965.031

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2025	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	130.333.690.697	131.633.950.652
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (*)	VND	8,5%	2025	9.000.000.000	9.000.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 8 (***)	USD	4,5% - 5,5%	2027	78.580.967.552	78.647.168.873
Vay từ ngân hàng 9 (***)	VND	11,0%	2027	41.301.125.713	41.301.125.713
Vay từ ngân hàng 10 (****)	USD	5,2%	2023	2.461.926.375	4.928.268.814
Vay nhân viên (*)	VND	9,6%	2024	9.450.000.000	9.450.000.000
				336.127.098.945	339.959.902.660

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 117.959 triệu VND (1/1/2023: 123.764 triệu VND) (Thuyết minh 14).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 218.004 triệu VND (1/1/2023: 221.465 triệu VND) (Thuyết minh 14).

(****) Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 35.487 triệu VND (1/1/2023: 37.758 triệu VND) (Thuyết minh 14).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	4.692.641.304	818.209.048	2.331.359.013	199.431.163
Trong vòng hai đến năm năm	10.490.024.917	1.307.437.556	1.529.504.311	58.827.089
	15.182.666.221	2.125.646.604	3.860.863.324	258.258.252
				3.602.605.072

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, trong nợ thuế tài chính có số nợ gốc ngoại tệ xấp xỉ 84.510 USD (1/1/2023: 107.790 USD).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	405.107.832	656.454.493
Trích lập trong kỳ	261.564.912	2.109.153.340
Sử dụng trong kỳ	(631.620.000)	(2.170.800.001)
Số dư cuối kỳ	35.052.744	594.807.832

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư, phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	136.000.000.000	64.017.067.516	70.305.111.302	270.322.178.818
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	44.939.818.803	44.939.818.803
Phân bổ vào quỹ đầu tư, phát triển	-	28.122.044.521	(28.122.044.521)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.109.153.340)	(2.109.153.340)
Cổ tức	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	136.000.000.000	92.139.112.037	78.213.732.244	306.352.844.281
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	156.399.760.000	92.139.112.037	13.078.245.587	261.617.117.624
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(76.113.452.819)	(76.113.452.819)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(261.564.912)	(261.564.912)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	156.399.760.000	92.139.112.037	(63.296.772.144)	185.242.099.893

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.639.976	156.399.760.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2023 và 1/1/2023		
	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	53,67	8.394.655	83.946.550.000
Các cổ đông khác	46,33	7.245.321	72.453.210.000
	100,00	15.639.976	156.399.760.000

27. Quỹ đầu tư, phát triển

Quỹ đầu tư, phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	48.128.292.667	49.103.866.167
	57.884.027.667	58.859.601.167
	57.884.027.667	58.859.601.167

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	14.188,43	332.336.719	55.607	1.301.704.429
EUR	450	10.955.084	450	10.955.084
		343.291.803		1.312.659.513
		343.291.803		1.312.659.513

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Bán hàng	571.522.896.506	487.305.632.619
Cung cấp dịch vụ	19.789.170.413	17.471.674.620
Cung cấp dịch vụ gia công	50.512.262.356	50.185.588.579
Cho thuê bất động sản đầu tư	6.012.178.317	5.209.462.572
	647.836.507.592	560.172.358.390
	647.836.507.592	560.172.358.390

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	640.506.859.746	417.967.501.595
Dịch vụ đã cung ứng	14.890.160.060	11.053.009.346
Dịch vụ gia công đã cung ứng	48.472.287.678	46.407.388.980
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.898.213.298	2.282.877.954
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(20.188.236.557)	-
	685.579.284.225	477.710.777.875

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi	359.996.713	389.847.368
Lãi do người mua chậm trả	2.388.548.444	1.211.575.965
Cổ tức được chia	2.274.160.000	-
Khoản hỗ trợ nhận được từ một công ty liên kết	1.000.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.207.140.053	10.016.649.392
	21.229.845.210	11.618.072.725

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	28.634.225.299	13.418.148.734
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.084.370.695	11.401.758.025
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.500.125	1.578.091.993
	39.733.096.119	26.397.998.752

M2-C
 NG T
 NIEM H
 PM
 LIỆ

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và xuất khẩu	3.682.994.221	5.683.697.854
Chi phí đại lý bán hàng	903.693.347	1.407.785.553
Chi phí bán hàng khác	2.504.252.174	1.159.845.336
	7.090.939.742	8.251.328.743

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	3.848.286.007	(3.225.478.873)
Dự phòng phải thu khó đòi	(118.560.590)	(70.973.644)
Chi phí phân bổ trả trước	1.045.551.095	508.156.318
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.029.016.709	1.276.610.450
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.039.930.864	5.764.497.233
	13.844.224.085	4.252.811.484

35. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	449.079.453.708	383.337.994.138
Chi phí nhân công	54.652.293.421	45.604.915.811
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.909.438.691	29.624.830.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.630.776.824	91.754.412.052
Chi phí khác	15.921.743.204	11.542.219.546

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(76.113.452.819)	54.690.244.144
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	(15.222.690.564)	10.938.048.829
Chi phí không được khấu trừ thuế	12.735.927	24.000.000
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	5.652.150.133	(1.211.623.488)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	9.557.804.504	-
	-	9.750.425.341

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời	54.817.645.354	10.963.529.071	26.556.894.692	5.311.378.938
Lỗ tính thuế	52.365.540.009	10.473.108.002	4.576.517.490	915.303.498
	107.183.185.363	21.436.637.073	31.133.412.182	6.226.682.436

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	4.576.517.490
2028	Chưa quyết toán	47.789.022.519
		52.365.540.009

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ sau VND
2024	2.044.862.629
2025	18.245.190.035
2027	6.266.842.028
2028	28.260.750.662
	54.817.645.354

Ngoại trừ khoản chi phí lãi vay sẽ được khấu trừ trong những kỳ xác định nêu trên, theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	107.100.000	29.250.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	139.000.000	20.000.000
Hoàn trả gốc vay và lãi vay	1.542.516.144	1.135.141.641
Lãi vay và phí nhập gốc vay	-	1.355.552.370
Lãi và phí khoản vay cho vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.886.376.303	-
Trả lãi và phí khoản vay cho vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.289.256.951	1.135.141.641
Chi phí lãi vay	2.256.280.143	2.256.280.143
Chia cổ tức bằng tiền	-	3.649.560.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	21.769.638	21.574.138
Mua dịch vụ	4.872.513.738	5.311.927.215
Chi phí lãi vay	475.125.000	384.625.000
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.391.215.360	5.086.340.856
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	25.800.628.702	12.632.475.584
Mua hàng hóa	10.113.473.030	564.007.693
Lãi do người mua chậm trả	-	81.568.916
Thu nhập khác	12.250.000	-
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.069.498.654	1.090.455.727
Mua dịch vụ	-	5.386.350
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	161.436.157.027	65.549.019.777
Mua hàng hóa	118.354.638.803	43.996.974.945
Lãi do người mua chậm trả	1.867.800.290	1.130.007.049
Thu nhập khác	250.172.720	-
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	650.560.136	618.848.754
Nhận hoàn trả khoản vay	-	1.500.000.000
Thu nhập lãi vay	-	75.645.833
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định		
Cung cấp dịch vụ	19.112.450	18.440.736
Mua hàng hóa	7.144.100	2.253.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Thu nhập khác từ nhận hỗ trợ	1.000.000.000	-
Cổ tức	2.274.160.000	-

2022
 NG T
 NHIỆM H
 PMI
 LIÊM

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của		
Người quản lý chủ chốt		
<i>Hội đồng Quản trị</i>		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	44.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	22.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	22.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	22.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	22.000.000	18.000.000
Ông Phạm Xuân Trình – Thành viên	32.000.000	18.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	22.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	-	12.000.000
 <i>Ban Giám đốc</i>		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc	200.063.875	113.981.197
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	10.000.000	6.980.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	170.910.436	131.139.893
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	10.000.000	6.980.000
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	142.037.005	91.229.333
 <i>Ban Kiểm soát</i>		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	32.000.000	18.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	17.000.000	12.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	-
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên Ban Kiểm soát	6.000.000	-

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi vay và phí nhập gốc vay	580.182.480	79.154.146
Bù trừ khoản hỗ trợ nhận từ một công ty liên kết với khoản phải trả dài hạn khác	1.000.000.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

29-08-2023

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Oanh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hường
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc